

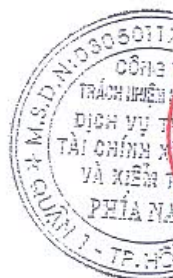


RT1

MST: 03 00 40 77 41

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT VÀ VI SINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2013

**TỔNG GIÁM ĐỐC***Đỗ Khắc Thanh***Đơn vị kiểm toán:**

CÔNG TY DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)
THÀNH VIÊN CỦA TỔ CHỨC KIỂM TOÁN QUỐC TẾ MSI GLOBAL ALLIENCE
29 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh; Tel: (08) 3820 5944; Fax: (08) 3820 5942

NỘI DUNG**Trang****Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

2 - 4

Báo cáo kiểm toán

5 - 6

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

- Bảng cân đối kế toán

7 - 10

- Kết quả hoạt động kinh doanh

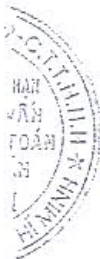
11 - 11

- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

12 - 13

- Thuyết minh báo cáo tài chính

14 - 28



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa chất và Vi sinh (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2013.

Công ty

Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa chất và Vi sinh tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước hạch toán độc lập trực thuộc Tổng Công ty Hóa chất Việt Nam (nay là Tập đoàn Hóa chất Việt Nam). Công ty được phê duyệt phương án chuyển đổi mô hình hoạt động sang Công ty Cổ phần từ Công ty Công nghiệp Hóa chất và Vi sinh.

Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa chất và Vi sinh hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300407741 đăng ký lần đầu ngày 17/05/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 28/02/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất.

Ngành nghề kinh doanh:

Sản xuất hóa chất: keo, sơn, mực in, chất tẩy rửa, silicat, hóa mỹ phẩm; các chế phẩm sinh học phục vụ nông - công nghiệp - môi trường sinh thái. Sản xuất pallet bằng giấy - nhựa - kim loại. Sản xuất bao bì. In trên bao bì, sản phẩm do công ty sản xuất. Mua bán nguyên liệu, sản phẩm, máy móc, thiết bị, hóa chất (trừ kinh doanh hóa chất độc hại mạnh). Dịch vụ nghiên cứu và chuyển giao công nghệ

Lắp đặt, chế tạo thiết bị (trừ tái chế phế thải kim loại, xi mạ điện). Tư vấn đầu tư. Tư vấn xây dựng (trừ kinh doanh dịch vụ thiết kế công trình). Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp. Giám sát thi công công trình xây dựng. Thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp và cầu đường. San lấp mặt bằng./.

Trụ sở chính: 31 Hàn Thuyên, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Các đơn vị trực thuộc công ty bao gồm :

- Xí nghiệp Hương Việt: Số 2/44 Trương Văn Hải, phường Hiệp Phú, quận 9, TP. Hồ Chí Minh.
- Xí nghiệp Bao Bì: Số 6/11 Khu phố 4, phường Linh Trung, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.
- Xí nghiệp Sơn LikSho: Số 6/11 Khu phố 4, phường Linh Trung, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.
- Trung tâm sinh học Công nghệ: Số 16 Tăng Nhơn Phú, phường Phước Long B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh.

Hình thức sở hữu vốn:

Là công ty cổ phần, vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 16.335.000.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến thời điểm 31/12/2013 là 16.335.000.000 VND.

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông TRỊNH ANH TUẤN	Chủ tịch
Ông ĐẶNG HỒNG HẢI	Ủy viên
Bà LẠI THỊ NHUNG	Ủy viên
Ông NGUYỄN ĐÌNH MINH	Ủy viên
Bà VƯƠNG NGỌC LAN	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

Ông ĐẶNG HỒNG HẢI	Tổng Giám đốc
Ông LÊ HUY HẢI	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban kiểm soát bao gồm:

Ông HÀ THANH SƠN	Trưởng ban
Ông TRẦN CAO PHÚ	Thành viên
Bà LƯU THỊ ÁNH	Thành viên

Quyền TP Kế toán - Tài chính

Ông NHAN CHÍ KIẾN

Tình hình kinh doanh của Công ty

Lợi nhuận sau thuế của năm tài chính 2013 là 4.014.614.026 VND (Cùng kỳ kế toán năm 2012 lợi nhuận sau thuế là 3.593.046.323VND).

Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 31/12/2013 là 23.843.466.017 VND (Tại thời điểm 31/12/2012 lợi nhuận chưa phân phối là 23.093.972.792 VND).

Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Kiểm toán viên

Công ty Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) được bổ nhiệm thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

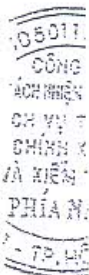
Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán được áp dụng được tuân thủ đầy đủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.



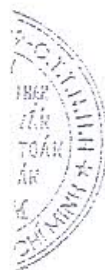
TP. HCM, ngày 14 tháng 03 năm 2014

TM. Ban Tổng Giám đốc



ĐẶNG HỒNG HẢI

Tổng Giám đốc



Số: 116.../BCKT-TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT VÀ VI SINH**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa chất và Vi sinh, được lập ngày 31/12/2013, từ trang 07 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Các khoản nợ phải thu chưa được đối chiếu xác nhận đầy đủ tại thời điểm 31/12/2013.
- Do hợp đồng thỏa thuận Giá công hàng hóa giữa đơn vị với Công ty TNHH Quốc tế Unilever Việt Nam, chỉ theo dõi về mặt số lượng, không theo dõi về giá trị nên giá trị hàng nhận gia công không được phản ánh trên chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán "Vật tư, hàng hóa nhận ký gửi, nhận gia công".
- Số dư Nguồn kinh phí sự nghiệp đang âm (-) số tiền 2.554.855.691 đồng phát sinh từ năm 2004, và khó có khả năng được cấp kinh phí bổ sung. Tuy nhiên, công ty chưa xem xét để xử lý vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng (nếu có) đến báo cáo tài chính vì những lý do nêu ở đoạn "cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa chất và Vi sinh tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 03 năm 2014

Kiểm toán viên

Phùng Văn Thắng

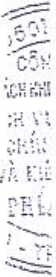
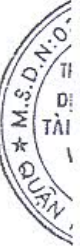
PHÙNG VĂN THẮNG
Số GCN ĐKHN Kiểm toán
0650-2013-142-1

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)

Tổng Giám đốc



ĐỖ KHẮC THANH
Số GCN ĐKHN Kiểm toán
0064-2013-142-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		74.989.418.029	85.446.375.628
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	03	26.431.130.362	37.977.167.799
1. Tiền	111		2.931.130.362	1.441.038.194
2. Các khoản tương đương tiền	112		23.500.000.000	36.536.129.605
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	04	27.021.086.667	23.918.783.006
1. Đầu tư ngắn hạn	121		27.021.086.667	23.918.783.006
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		14.801.365.193	17.150.826.235
1. Phải thu khách hàng	131		13.823.247.964	15.528.762.522
2. Trả trước cho người bán	132		221.532.511	253.937.205
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	05	2.755.893.456	3.367.435.246
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(1.999.308.738)	(1.999.308.738)
IV. Hàng tồn kho	140		6.399.093.459	6.173.727.386
1. Hàng tồn kho	141	06	6.399.093.459	6.173.727.386
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		336.742.348	225.871.202
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	07	106.816.646	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	08	229.925.702	225.871.202

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		13.391.018.440	10.946.368.338
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		11.828.306.204	9.256.325.544
1. Tài sản cố định hữu hình	221	09	7.518.656.334	9.128.421.417
- Nguyên giá	222		31.116.630.789	32.899.675.122
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(23.597.974.455)	(23.771.253.705)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	10	-	-
- Nguyên giá	228		96.002.802	96.002.802
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(96.002.802)	(96.002.802)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	4.309.649.870	127.904.127
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.562.712.236	1.690.042.794
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.562.712.236	1.690.042.794
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		88.380.436.469	96.392.743.966

729-C
TỶ
HỮU HẠN
Ư VÃI
Ế TÔI
TOÁN
AM
Ồ CH

729-C
TỶ
HỮU HẠN
Ư VÃI
Ế TÔI
TOÁN
AM
Ồ CH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
NGUỒN VỐN				
A . NỢ PHẢI TRẢ	300		13.505.918.568	22.267.719.289
I. Nợ ngắn hạn	310		13.319.918.568	22.081.719.289
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312		5.572.462.572	5.994.306.821
3. Người mua trả tiền trước	313		-	1.231.025.946
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	1.754.426.641	2.045.995.408
5. Phải trả người lao động	315		6.997.593.758	11.965.644.591
6. Chi phí phải trả	316		77.999.999	502.274.995
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	13	1.698.971.601	1.935.922.031
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(2.781.536.003)	(1.593.450.503)
II. Nợ dài hạn	330		186.000.000	186.000.000
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	14	186.000.000	186.000.000
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	339		-	-
B . VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		74.874.517.902	74.125.024.677
I. Vốn chủ sở hữu	410	15	77.429.373.593	76.679.880.368
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		16.335.000.000	16.335.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		1.677.445.903	1.677.445.903
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		33.939.961.673	33.939.961.673
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.633.500.000	1.633.500.000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		23.843.466.017	23.093.972.792
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		(2.554.855.691)	(2.554.855.691)
1. Nguồn kinh phí	432		(2.554.855.691)	(2.554.855.691)
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		88.380.436.469	96.392.743.966

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại (USD) (EUR)		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Người lập biểu

Q.TP Kế toán - Tài chính

Lập, ngày 31 tháng 12 năm 2013

Tổng Giám đốc



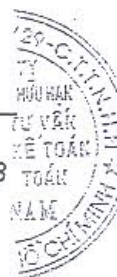
TRỊNH TRỌNG ĐẠT



NHAN CHÍ KIẾN



ĐẶNG HỒNG HẢI



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16	74.283.666.826	89.053.577.104
02	2. Các khoản giảm trừ	17	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	74.283.666.826	89.053.577.104
11	4. Giá vốn hàng bán	19	60.910.102.555	73.739.405.046
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		13.373.564.271	15.314.172.058
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	4.113.710.636	6.649.092.527
22	7. Chi phí tài chính	21	-	-
23	Trong đó: chi phí lãi vay		-	-
24	8. Chi phí bán hàng		1.364.508.445	1.615.110.362
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		11.308.648.874	16.482.637.696
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		4.814.117.588	3.865.516.527
31	11. Thu nhập khác		895.147.988	1.355.477.785
32	12. Chi phí khác		98.651.951	337.499.003
40	13. Lợi nhuận khác		796.496.037	1.017.978.782
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		5.610.613.625	4.883.495.309
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	22	1.595.999.599	1.290.448.986
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		4.014.614.026	3.593.046.323
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	23	2.458	2.200

Lập, ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập biểu

Q.TP Kế toán - Tài chính

Tổng Giám đốc



TRINH TRỌNG ĐẠT



NHAN CHÍ KIẾN



ĐẶNG HỒNG HẢI

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2013

(Theo phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		81.940.852.882	103.217.386.307
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(45.368.941.259)	(60.250.776.252)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(27.094.237.675)	(29.160.235.234)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		-	-
5. Tiền chi nộp thuế TNDN	05		(1.743.980.507)	(2.466.602.280)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.443.597.916	2.086.308.226
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(11.950.090.826)	(8.564.158.888)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(2.772.799.469)	4.861.921.879
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(5.652.538.127)	(7.219.829.390)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(10.700.000.000)	(16.071.249.761)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		9.324.587.633	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.521.712.526	6.642.658.431
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(5.506.237.968)	(16.648.420.720)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2013
(Theo phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.267.000.000)	(1.633.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(3.267.000.000)	(1.633.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(11.546.037.437)	(13.419.998.841)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		37.977.167.799	51.397.166.640
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		26.431.130.362	37.977.167.799

Người lập biểu

Q. TP Kế toán - Tài chính

Lập, ngày 31 tháng 12 năm 2013
Tổng Giám đốc

TRINH TRỌNG ĐẠT

NHAN CHÍ KIẾN

ĐANG HỒNG HẢI

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa chất và Vi sinh tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước hạch toán độc lập trực thuộc Tổng Công ty Hóa chất Việt Nam (nay là Tập đoàn Hóa chất Việt Nam). Công ty được phê duyệt phương án chuyển đổi mô hình hoạt động sang Công ty Cổ phần từ Công ty Công nghiệp Hóa chất và Vi sinh.

Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa chất và Vi sinh hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300407741 đăng ký lần đầu ngày 17/05/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 28/02/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất.

Ngành nghề kinh doanh:

Sản xuất hóa chất: keo, sơn, mực in, chất tẩy rửa, silicat, hóa mỹ phẩm; các chế phẩm sinh học phục vụ nông - công nghiệp - môi trường sinh thái. Sản xuất pallet bằng giấy - nhựa - kim loại. Sản xuất bao bì. In trên bao bì, sản phẩm do công ty sản xuất. Mua bán nguyên liệu, sản phẩm, máy móc, thiết bị, hóa chất (trừ kinh doanh hóa chất độc hại mạnh). Dịch vụ nghiên cứu và chuyển giao công nghệ

Lắp đặt, chế tạo thiết bị (trừ tái chế phế thải kim loại, xi mạ điện). Tư vấn đầu tư. Tư vấn xây dựng (trừ kinh doanh dịch vụ thiết kế công trình). Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp. Giám sát thi công công trình xây dựng. Thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp và cầu đường. San lấp mặt bằng./.

Trụ sở chính: 31 Hàn Thuyên, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Các đơn vị trực thuộc công ty bao gồm :

- Xí nghiệp Hương Việt: Số 2/44 Trương Văn Hải, phường Hiệp Phú, quận 9, TP. Hồ Chí Minh.
- Xí nghiệp Bao Bì: Số 6/11 Khu phố 4, phường Linh Trung, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.
- Xí nghiệp Sơn LikSho: Số 6/11 Khu phố 4, phường Linh Trung, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.
- Trung tâm sinh học Công nghệ: Số 16 Tăng Nhơn Phú, phường Phước Long B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Bộ Tài chính đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ kế toán trên máy vi tính.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của Ngân hàng mà Công ty mở tài khoản giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

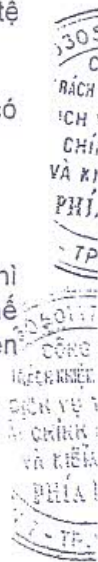
Phương pháp khấu hao áp dụng và các trường hợp khấu hao đặc biệt: Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao được ước tính theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc : 05 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị : 05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải : 04 - 08 năm
- Dụng cụ quản lý : 03 - 05 năm
- Phần mềm máy vi tính : 03 năm

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.



Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc chế tạo tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Chi phí thành lập;
- Chi phí trước hoạt động/ chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm các chi phí đào tạo);
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Lỗi chênh lệch tỷ giá của giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá trị thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu. Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và được trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

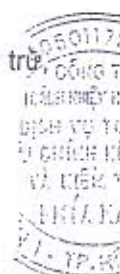
- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.



3. TIỀN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
- Tiền mặt	216.604.590	783.570.960
- Tiền gửi ngân hàng	2.714.525.772	657.467.234
- Tiền đang chuyển	-	-
- Tương đương tiền	23.500.000.000	36.536.129.605

Tổng cộng

26.431.130.362	37.977.167.799
-----------------------	-----------------------

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
- Đầu tư ngắn hạn khác:		
+ Tiền gửi kỳ hạn - Ngân hàng Công thương Việt Nam CN TPHCM	27.021.086.667	23.918.783.006

Tổng cộng

27.021.086.667	23.918.783.006
-----------------------	-----------------------

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
- Công ty TNHH Trung Quý	1.999.308.738	1.999.308.738
- Lãi ngân hàng dự thu	653.976.536	820.759.891
- Thuế TNCN phải thu người lao động	44.850.351	93.758.571
- BHXH nộp thừa	56.587.356	
- Khác	1.170.475	453.608.046

Tổng cộng

2.755.893.456	3.367.435.246
----------------------	----------------------

6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu	4.162.816.241	3.856.786.842
- Công cụ, dụng cụ	284.922.913	290.147.622
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	863.368.295	770.070.951
-Thành phẩm	1.087.986.010	1.256.721.971

Tổng cộng

6.399.093.459	6.173.727.386
----------------------	----------------------

- Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo các khoản nợ phải trả: 0 VND.
- Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm: 0 VND.
- Các trường hợp hoặc sự kiện dẫn đến phải trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

7. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-
- Thuế nhập khẩu	-	-
- Thuế thu nhập cá nhân	106.816.646	-
- Các loại thuế khác	-	-

Tổng cộng

106.816.646	-
--------------------	----------

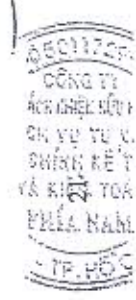
8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
- Tài sản thiếu chờ xử lý	-	-
- Tạm ứng	229.925.702	225.871.202
- Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn khác	-	-
Tổng cộng	229.925.702	225.871.202

P-C
NHA
VÀ
TO
OANH
M
2013CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT VÀ VI SINH

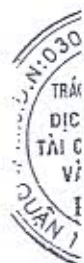
9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
I. Nguyên giá					
1. Số dư đầu năm	13.875.536.070	16.107.961.829	2.080.693.322	835.483.901	32.899.675.122
2. Số tăng trong kỳ	329.289.692	262.312.800	-	32.709.094	624.311.586
Bao gồm:					
- Mua sắm mới	-	245.400.000	-	32.709.094	245.400.000
- Tặng khác	329.289.692	16.912.800	-	-	346.202.492
3. Số giảm trong kỳ	714.856.388	1.080.352.844	-	612.146.687	2.407.355.919
Bao gồm:					
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	714.856.388	1.080.352.844	-	612.146.687	1.795.209.232
4. Số dư cuối kỳ	13.489.969.374	15.289.921.785	2.080.693.322	256.046.308	31.116.630.789
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
1. Số dư đầu năm	13.007.678.801	8.684.420.159	1.398.746.958	680.407.787	23.771.253.705
2. Tăng trong kỳ	557.803.038	1.322.457.427	151.878.869	47.471.922	2.079.611.256
- Khấu hao trong kỳ	557.803.038	1.320.578.227	151.878.869	47.471.922	2.077.732.056
- Tăng khác	-	1.879.200	-	-	1.879.200
3. Giảm trong kỳ	714.856.388	1.022.011.815	-	516.022.303	1.736.868.203
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	714.856.388	1.022.011.815	-	516.022.303	1.736.868.203
4. Số dư cuối kỳ	12.850.625.451	8.984.865.771	1.550.625.827	211.857.406	23.597.974.455
III. Giá trị còn lại của TSCĐ HH					
1. Tại ngày đầu năm	867.857.269	7.423.541.670	681.946.364	155.076.114	9.128.421.417
2. Tại ngày cuối kỳ	639.343.923	6.305.056.014	530.067.495	44.188.902	7.518.656.334



10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
I. Nguyên giá			
1. Số dư đầu năm	-	96.002.802	96.002.802
2. Số tăng trong kỳ	-	-	-
Bao gồm:			
- Mua trong kỳ	-	-	-
3. Số giảm trong kỳ	-	-	-
Bao gồm:			
- Thanh lý, nhượng bán			-
- Giảm khác			-
4. Số dư cuối kỳ	-	96.002.802	96.002.802
II. Giá trị hao mòn lũy kế			
1. Số dư đầu năm	-	96.002.802	96.002.802
2. Số tăng trong kỳ	-	-	-
3. Số giảm trong kỳ	-	-	-
Bao gồm:			
- Thanh lý nhượng bán			-
- Giảm khác			-
4. Số dư cuối kỳ	-	96.002.802	96.002.802
III. Giá trị còn lại			
1. Tại ngày đầu năm	-	-	-
2. Tại ngày cuối kỳ	-	-	-



11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
- Dự án đầu tư XDCB Xí nghiệp Bao Bì	340.263.777	99.872.727
- Cấp giấy CNQSDĐ VP công ty, XN Hương Việt	120.000.000	
- Mua dân máy gợn sóng 20 triệu m2 (XN Bao Bì)	3.821.354.693	
- Khác	28.031.400	28.031.400
Tổng cộng	4.309.649.870	127.904.127

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
- Thuế GTGT	363.871.634	551.189.979
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	761.039.557	909.020.464
- Thuế thu nhập cá nhân	85.392.961	40.384.236
- Các loại thuế khác	544.122.489	545.400.729
Tổng cộng	1.754.426.641	2.045.995.408

13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGÂN HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	186.902.201	395.840.501
- Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	-	10.517.530
- Phải trả phải nộp khác:	1.512.069.400	1.529.564.000
+ Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường	1.353.000.000	1.353.000.000
+ Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	133.797.000	133.797.000
+ Bán cổ phần trả chậm		37.587.000
+ Khác	25.272.400	5.180.000
Tổng cộng	1.698.971.601	1.935.922.031

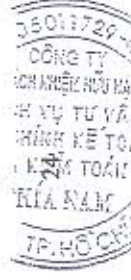
14. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	186.000.000	186.000.000
Tổng cộng	186.000.000	186.000.000

15 Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỉ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	16.335.000.000	1.677.445.903	-	33.939.961.673	1.633.500.000	21.134.426.469	17.048.016.634
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	3.593.046.323	3.593.046.323
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	(1.633.500.000)	(1.633.500.000)
Số dư cuối năm trước	16.335.000.000	1.677.445.903	-	33.939.961.673	1.633.500.000	23.093.972.792	76.679.880.368
Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-	4.014.614.026	4.014.614.026
Giảm vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	(3.265.120.801)	(3.265.120.801)
Số dư cuối kỳ này	16.335.000.000	1.677.445.903	-	33.939.961.673	1.633.500.000	23.843.466.017	77.429.373.593



b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm VND		Đầu năm VND	
- Vốn góp của Nhà nước	8.330.600.000	51,0%	8.330.600.000	51,0%
- Vốn góp của các đối tượng khác	8.004.400.000	49,0%	8.004.400.000	49,0%
Tổng cộng	16.335.000.000	100%	16.335.000.000	100%
- Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm	-		-	
- Số lượng cổ phiếu quỹ	-		-	

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	16.335.000.000	16.335.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	16.335.000.000	16.335.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	3.267.000.000	1.633.500.000

c) Cổ tức

Năm nay Năm trước

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi

Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận

d) Cổ phiếu

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.633.500	1.633.500
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.633.500	1.633.500
- Cổ phiếu phổ thông	1.633.500	1.633.500
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.633.500	1.633.500
- Cổ phiếu phổ thông	1.633.500	1.633.500
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đ/Cổ phiếu

e) Các quỹ của công ty

	Cuối năm	Đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	33.939.961.673	33.939.961.673
- Quỹ dự phòng tài chính	1.633.500.000	1.633.500.000
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-

16. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Doanh thu bán thành phẩm	42.754.306.170	52.737.077.380
- Doanh thu bán hàng hóa	-	-
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	31.529.360.656	36.316.499.724
Tổng cộng	74.283.666.826	89.053.577.104

17. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chiết khấu thương mại	-	-
- Giảm giá hàng bán	-	-
- Hàng bán bị trả lại	-	-
Tổng cộng	-	-

18. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Doanh thu thuần bán sản phẩm	42.754.306.170	52.737.077.380
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	-	-
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	31.529.360.656	36.316.499.724
Tổng cộng	74.283.666.826	89.053.577.104

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Giá vốn của thành phẩm	38.810.360.154	46.440.469.798
- Giá vốn của hàng hóa	-	-
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	22.099.742.401	27.304.233.650
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(5.298.402)
Tổng cộng	60.910.102.555	73.739.405.046

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.113.710.636	6.649.092.527
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
- Lãi bán cổ phiếu	-	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
- Lợi nhuận được chia từ hợp đồng hợp tác kinh tế	-	-
Tổng cộng	4.113.710.636	6.649.092.527

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Lãi tiền vay	-	-
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	-
- Lỗ do bán ngoại tệ	-	-
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	-
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	-	-
- Chi phí tài chính khác	-	-
Tổng cộng	-	-

22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.595.999.599	1.290.448.986
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.595.999.599	1.290.448.986

23. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.014.614.026	3.593.046.323
- Số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông	1.633.500	1.633.500
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.458	2.200

24. CHI PHÍ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí tiền lương		
Thù lao	252.000.000	252.000.000
Tổng cộng	252.000.000	252.000.000

25. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

25.1 Thông tin khác

Ngày 16/05/2013, Hội đồng thẩm phán tòa án Nhân dân tối cao ra quyết định giám đốc thẩm số 13/2013/KDTM-GĐT hủy quyết định số 152/2012/QĐ-PT ngày 07/05/2012 của tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh sau khi xem xét thấy các nội dung tại Nghị quyết ĐHCĐ bắt thường số 01/ĐHCĐ-ND ngày 24/05/2011 là phù hợp với các quy định của pháp luật.

Ngày 16/05/2013 Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đã ra quyết định số 549/2013/QĐST-KDTM về việc hủy toàn bộ nghị quyết số 01/ĐHCĐ-NQ và kết quả đại hội cổ đông bắt thường BICICO ngày 29/09/2012.

Ngày 13/11/2013 Tòa phúc thẩm tòa án nhân dân tối cao tại thành phố Hồ Chí Minh đã có quyết định số 179/2013/QĐ-PT, sửa quyết định số 549/2013/QĐST-KDTM chấp nhận kháng cáo của BICICO, bác yêu cầu hủy nghị quyết số 01/ĐHCĐ-NQ và kết quả đại hội cổ đông bất thường BICICO ngày 29/09/2012.

25.2 Thông tin về vật tư, hàng hóa nhận gia công

Do hợp đồng thỏa thuận gia công hàng hóa giữa đơn vị với công ty TNHH Quốc tế Unilever Việt Nam chỉ theo dõi về mặt số lượng, không theo dõi về mặt giá trị và báo cáo nhập xuất tồn hàng gia công, báo cáo nguyên vật liệu dư thừa được trình bày ở các bảng phụ lục đính kèm.

25.3 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 đã được Công ty TNHH tư vấn thuế, kế toán và kiểm toán AVINA-IAFC kiểm toán.

Người lập biểu

Q.TP Kế toán-Tài chính

Lập, ngày 31 tháng 12 năm 2013

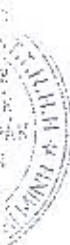
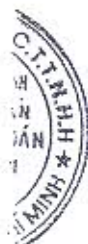
Tổng Giám đốc



TRINH TRONG DAT

NHAN CHI KIẾN

ĐANG HỒNG HẢI





CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN & KIỂM TOÁN PHÍA NAM
SOUTHERN AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES COMPANY (AASCS)

Địa chỉ : 29 Võ Thị Sáu – Quận 1 - TP.HCM

Điện thoại : (08) 38205944

Fax : (08) 38205942

Address : 29 Vo Thi Sau – Dist 1 - HCMC

Telephone : (08) 38205944

Fax : (08) 38205942

Số : 99A../CV-AASCS

Ngày : 02/05/2014

Người nhận : - CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP HOÁ CHẤT VÀ VI SINH (BICICO)
- CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

Người gửi : CÔNG TY KIỂM TOÁN AASCS

Về việc : Điều chỉnh Báo cáo kiểm toán số 116/BCKT-TC ngày 17/03/2014
về Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

- Căn cứ Hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2013 giữa Công ty CP Công nghiệp Hoá chất và Vi sinh (Bicico) với Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán & Kiểm toán Phía Nam (AASCS);
- Căn cứ Báo cáo kiểm toán số 116/BCKT-TC ngày 17/03/2014 về Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

Công ty Kiểm toán AASCS bổ sung các chỉ tiêu trong Thuyết minh Báo cáo tài chính trên Báo cáo kiểm toán số 116/BCKT-TC ngày 17/03/2014 như sau:

- Bổ sung thuyết minh về Công cụ tài chính (đính kèm).
- Những thông tin khác: bổ sung Thông tin về các bên liên quan và Báo cáo bộ phận (đính kèm).

Văn bản điều chỉnh này được đính kèm với Báo cáo kiểm toán số 116/BCKT-TC ngày 17/03/2014 về Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Công ty CP Công nghiệp Hoá chất và Vi sinh (Bicico).

Trân trọng kính chào,



PHÙNG NGỌC TOÀN - CPA
Phó Tổng Giám đốc



CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**1. Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

2. Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 02.

3. Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	26.431.130.362	37.977.167.799
Phải thu khách hàng và phải thu khác	16.579.141.420	18.896.197.768
Đầu tư ngắn hạn	27.021.086.667	23.918.783.006
Đầu tư dài hạn	-	-
Tài sản tài chính khác	-	-
Tổng cộng	70.031.358.449	80.792.148.573
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	7.457.434.173	8.116.228.852
Chi phí phải trả	77.999.999	502.274.995
Tổng cộng	7.535.434.172	8.618.503.847

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

4. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá hàng hóa), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

5. Quản lý rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị còn lại của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2013	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	-	-	-	-
Euro (EUR)	-	-	-	-

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

6. Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không, do đó Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác.

7. Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng cộng VND
31/12/2013			
Các khoản vay	-	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	7.271.434.173	186.000.000	7.457.434.173
Chi phí phải trả	77.999.999	-	77.999.999
Tổng cộng	7.349.434.172	186.000.000	7.535.434.172

31/12/2012

Các khoản vay	-	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	7.930.228.852	186.000.000	8.116.228.852
Chi phí phải trả	502.274.995	-	502.274.995
Tổng cộng	8.432.503.847	186.000.000	8.618.503.847

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng cộng VND
31/12/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	26.431.130.362	-	26.431.130.362
Phải thu khách hàng và phải thu khác	16.579.141.420	-	16.579.141.420
Đầu tư ngắn hạn	27.021.086.667	-	27.021.086.667
Đầu tư dài hạn	-	-	-
Tài sản tài chính khác	-	-	-
Tổng cộng	70.031.358.449	-	70.031.358.449

31/12/2012

Tiền và các khoản tương đương tiền	37.977.167.799	-	37.977.167.799
Phải thu khách hàng và phải thu khác	18.896.197.768	-	18.896.197.768
Đầu tư ngắn hạn	23.918.783.006	-	23.918.783.006
Đầu tư dài hạn	-	-	-
Tài sản tài chính khác	-	-	-
Tổng cộng	80.792.148.573	-	80.792.148.573

Thông tin về các bên liên quan

a) Các bên liên quan	Mối quan hệ	Sở hữu vốn
Tập đoàn Hoá chất Việt Nam (Vinachem)	Công ty mẹ	51,00%

b) Trong năm Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Giao dịch	Giá trị giao dịch (VND)
Tập đoàn Hoá chất Việt Nam (Vinachem)	<i>Chia cổ tức</i>	1.666.120.000

c) Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

- Phải thu	-
- Phải trả	-

Báo cáo bộ phận*Báo cáo theo lĩnh vực kinh doanh*

Hiện tại hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu tập trung vào một nhóm sản phẩm bao bì, sơn tổng hợp và gia công, không phải là doanh nghiệp hoạt động đa ngành nghề, cung cấp nhiều nhóm sản phẩm và dịch vụ, do đó Ban Tổng Giám đốc quyết định chưa áp dụng Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Báo cáo theo khu vực địa lý

Sản phẩm của Công ty chủ yếu được tiêu thụ tại cùng một khu vực địa lý, không có sự khác biệt đáng kể về lợi ích kinh tế hay chịu rủi ro, do đó Ban Tổng Giám đốc cũng quyết định chưa áp dụng Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

